| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ G**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 04 - 2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Ông Cao Trọng Mãnh**

**2. Bà Lê Thị Mỹ**

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa*: **Bà Đào Ngọc Trâm,** kiểm sát viên.

***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Võ Thị Hồng Diễm** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố G.

Trong ngày 23 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 405/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/04/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1971 (Có mặt)**

Địa chỉ: Hẻm số 313 đường T, khu phố X, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)**

Địa chỉ: Hẻm số 313 đường T, khu phố X, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lâm Thanh T trình bày:***

Anh T và Nguyễn Thị Lan H qua tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1999; anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, ngày 17/01/2000. Sau khi cưới vợ chồng sống tại địa chỉ Số 10/5 đường T, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2009 thì vợ chồng về sống tại Hẻm số 313 đường T, khu phố X, phường Q, thành

phố G, tỉnh Kiên Giang đến nay. Vợ chồng sinh sống được một thời gian đến năm 2007 sau khi sinh người con thứ 2 thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu vợ chồng không hòa hợp luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau chủ yếu là về vấn đề chị H không chăm lo gia đình bỏ bê con cái, đam mê cờ bạc, anh T đã nhiều lần trả nợ và khuyên chị H sửa đổi nhưng chị H vẫn không nghe từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị H cũng thường xuyên bỏ nhà đi rồi lại về đến tháng 4 năm 2017 chị H đã bỏ đi đến nay không về. Vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay. Xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan H.

**Về con chung:** Anh Lâm Thanh T xác định có 02 người con chung tên Lâm Thuận K, sinh ngày 13/10/2000 đã trưởng thành; Lâm Khả K, sinh ngày 07/5/2007. Anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ký và cháu Kỳ đến tuổi trưởng thành. Anh T không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản, nợ chung:** Anh Lâm Thanh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Về hôn nhân: Anh T xác định không còn tình cảm yêu thương với chị H nữa và yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi 02 người con. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Lan H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.***

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng đối với bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử bị đơn vắng mặt không có lý do nên đã vi phạm nghĩa vụ đối với người tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lâm Thanh T ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Lan H, giao 02 người con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, nợ chung: Anh T xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lâm Thanh T khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn chị Nguyễn Thị Lan H và chị H là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thụ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan H chưa có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của anh T tại Tòa án. Tuy nhiên, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án và tống đạt các tài liệu chứng kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ, nhưng chị Nguyễn Thị Lan H cố tình tránh mặt không đến Toà án. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lâm Thanh T yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị H.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Thanh T và chị Nguyễn Thị Lan H được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, ngày 17/01/2000, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lâm Thanh T, Hội đồng xét xử nhận định: Theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Anh T xác định, trong cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị H luôn bất đồng ý kiến, chị H không quan tâm chăm sóc cuộc sống gia đình mà còn có tính đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, anh T đã nhiều lần trả nợ thay chị H và có khuyên chị H nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi từ đó dẫn đến cự cải, mâu thuẫn kéo dài dần dần cuộc sống vợ chồng rạn nức. Anh T và chị H đã có thời gian ly thân hơn 02 năm không hàn gắn được. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại thời điểm xét xử, chị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu chị H có ý kiến trình bày bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T nhưng chị H đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Từ đó cho thấy, chị H không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T và tại phiên tòa anh T xác định không còn tình cảm yêu thương với chị H nên không thể hàn gắn vợ chồng, anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị H. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của anh T và chị H không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó qua nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ

vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Thanh T, cho anh T ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan H.

[5] Về con chung: Anh T xác định anh và chị H chung sống có 02 người tên Lâm Thuận K, sinh ngày 13/10/2000 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Lâm Khả K, sinh ngày 07/5/2007. Anh T có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T có điều kiện để lo cho các cháu phát triển tốt. Mặc khác, cháu Kỳ cũng có nguyện vọng được chung sống cùng với cha (được thể hiện tại biên bản trình bày nguyện vọng của cháu K ngày 14/03/2019); Xét thấy cháu K từ khi sinh ra đến nay cháu sinh sống cùng với anh T xuyên suốt và cháu K hiện cũng trong giai đoạn phát triển về thể chất lẫn tâm lý. Do đó, việc giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo nguyện vọng của các cháu.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Thanh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu chị H cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, thì khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh lâm Thanh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Thanh T về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn chị Nguyễn Thị Lan H.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan H.

**2.** Về con chung: Giao cho anh Lâm Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Lâm Nhã K, sinh ngày 07/5/2007. Riêng cháu Lâm Thuận K đã trường thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H được quyền thăm nom con chung, không ai đươc cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Thanh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về án phí: Anh Lâm Thanh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008512 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

**3.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/04/2019); bị đơn chị Nguyễn Thị Lan H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Chi cục THA dân sự Tp. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Thùy Linh**